

Bản án số: 44/2023/DS-ST

Ngày: 11-7-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hiền.

2. Ông Nguyễn Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

Ngày 11/7/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2023/TLST-DS ngày 19/4/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐST - DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Như N, sinh năm 1999;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân B, sinh năm 1997. ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2023 và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 12/02/2022 ông Nguyễn Văn T ký hợp đồng với nguyên đơn mua thức ăn cho tôm và thuốc; quá trình giao nhận hàng hóa thì nguyên đơn đã giao đủ và có ghi vào sổ theo dõi hàng hóa và ký nhận vào sổ khách hàng. Khi giao nhận hàng hóa thì ông T kiểm tra hàng và ký xác nhận. Hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngay

khi thu hoạch tôm thì ông T phải thanh toán toàn bộ nợ. Do ông T không thực hiện thỏa thuận ban đầu là thanh toán sau khi thu hoạch tôm. Đến ngày 18/8/2022 thì ông T nợ là 98.323.000 đồng; ông T đã xác nhận công nợ vào ngày 31/10/2022. Nguyên đơn đã liên hệ ông T nhiều lần để yêu cầu thanh toán nhưng ông T không thực hiện. Do đó nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn T trả cho nguyên đơn số tiền 98.323.000 đồng và số tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 18/8/2022 đến ngày 20/3/2023 là 7 tháng 02 ngày theo lãi suất quá hạn 0.83%/tháng, số tiền lãi là 5.766.922 đồng.

** Theo bản tự khai ngày 19/6/2022 và trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông có mua thức ăn tôm của nguyên đơn, thỏa thuận bao hết vụ nuôi, giá tiền thức ăn là 29.500đ/kg. Từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2022, ông lấy tổng cộng là 1480kg, số tiền là 43.660.000 đồng, nay nguyên đơn tính giá thức ăn 42.500đ/kg với số tiền 65.240.000 đồng là ông không đồng ý. Tiền thuốc tổng cộng 33.083.000 đồng, khi mua thì nguyên đơn đồng ý chiết khấu 30% nhưng nguyên đơn chưa chiết khấu mà yêu cầu trả thì ông không đồng ý. Ông đã thả 03 đợt tôm đều bị thiệt hại không thu hoạch được nên ông xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng và hiện hoàn cảnh khó khăn mẹ bệnh và nuôi con đi học.

Tại Tòa:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn T trả cho nguyên đơn số tiền 98.323.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 18/8/2022 đến ngày xét xử là ngày 11/7/2023 với lãi suất quá hạn 0.83%/tháng (số tiền lãi là 8.786.000 đồng). Khi mua bán thì ông T có ký hợp đồng mua bán, hợp đồng mua bán có thể hiện nếu vi phạm nghĩa vụ trả tiền sẽ tính lãi quá hạn, trường hợp khách hàng được chiết khấu là khi khách hàng thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả tiền. Ông T cho rằng tôm thất nhưng theo hợp đồng thì tôm thất cũng không làm mất nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn vẫn xác định không thỏa thuận giá thức ăn là 29.500đ/kg, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu tính lãi từ ngày 18/8/2022. Bị đơn xin trả dần thì không đồng ý, trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Trong thời gian mua thức ăn với nguyên đơn thì ông thả 03 lần tôm nhưng tôm không lớn nên đều thất thu, ngày 18/8/2022 ông vẫn đang nuôi tôm chưa thu hoạch. Hợp đồng mua bán ngày 12/02/2022 là ông có ký tên nhưng hợp đồng lúc đó chỉ có ông ký chứ người bán không có ký, bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 31/10/2022 ông thừa nhận là ông ký nhưng khi ký xác nhận

công nợ thì ông có hỏi nhân viên tên là Khánh là giá thức ăn cao và chưa tính chiết khấu tiền thuốc cho ông thì anh Khánh nói ông cứ ký, sau này giảm cho ông. Khi giao dịch mua bán thì người đại diện nguyên đơn giao dịch giá thức ăn là 29.500đ/kg và hứa chiết khấu tiền thuốc 30%. Nay nguyên đơn yêu cầu ông trả số tiền thức ăn và thuốc tổng cộng là 98.323.000 đồng và tiền lãi chậm trả thì ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý trả tiền thức ăn là 43.660.000 đồng và tiền thuốc sau khi chiết khấu 30%. Ông xin trả dần 06 tháng trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Như N yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T trả số tiền thức ăn và thuốc thủy sản 98.323.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 18/8/2022 đến ngày 11/7/2023 mức lãi suất 0.83%/tháng số tiền lãi là 8.786.000 đồng, trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn chị Phan Như N và bị đơn ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản vào ngày 12/02/2022, việc mua bán đôi bên giao nhận xong, thời hạn trả tiền là sau khi thu hoạch tôm. Ngày 31/10/2022 nguyên đơn và bị đơn đối chiếu công nợ, bị đơn ông T còn thiếu tiền thức ăn tôm là 65.240.000 đồng và tiền thuốc 33.083.000 đồng. Ông T thừa nhận ông có ký hợp đồng mua bán ngày 12/02/2022 và ký xác nhận công nợ ngày 31/10/2022 nhưng ông T cho rằng giá thức ăn chỉ 29.500đ/kg không như nguyên đơn tính là 42.500đ/kg và nguyên đơn hứa chiết khấu 30% tiền thuốc nhưng nguyên đơn không chiết khấu nên ông T không đồng ý trả tổng cộng số tiền 98.323.000 đồng mà chỉ đồng ý trả tiền thức ăn 43.660.000 đồng và tiền thuốc sau khi chiết khấu 30%. Nguyên đơn thì không thừa nhận giá tiền thức ăn 29.500đ/kg và không thừa nhận hứa chiết khấu 30% tiền thuốc cho bị đơn nhưng bị đơn ông T không có chứng cứ chứng minh.

Xét việc giao kết hợp đồng mua bán của đôi bên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện là phù hợp theo Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 18/8/2022 là chưa phù hợp vì ngày 18/8/2022 là ngày giao hàng cuối cùng và bị đơn cho rằng thời điểm này vẫn đang nuôi tôm; nguyên đơn không chứng minh được bị đơn đã thu hoạch tôm. Do đó, việc bị đơn

chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ được xác định vào ngày đôi bên xác nhận công nợ là ngày 31/10/2022. Đối với việc ông T xin trả dần 06 tháng trả 10.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý và việc xin trả dần cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[2] Về án phí DS – ST: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận một phần (số tiền lãi 1.985.000 đồng) nên nguyên đơn phải chịu án phí 300.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí $(105.123.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 5.256.000 \text{ đồng}$ nhưng bị đơn thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Như N. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T trả cho nguyên đơn chị N số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 98.323.000 đồng và số tiền lãi 6.800.000 đồng (từ ngày 01/11/2022 đến ngày 11/7/2023, mức lãi suất 0.83%/tháng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Như N về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T trả số tiền lãi chậm trả là 1.985.000 đồng (số tiền 98.323.000 đồng tính từ ngày 18/8/2022 đến ngày 31/10/2022, mức lãi suất 0.83%/tháng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí DS-ST: Nguyên đơn chị Phan Như N phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 0004082 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Chị N còn nhận lại số tiền 2.325.000 đồng (Hai triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải nộp 5.256.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm

mười sáu ngàn đồng) nhưng ông T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hồng Hạnh